

I. PHẠM VI KIẾN THỨC

1. Đại số:

- Các phép toán trong tập hợp số hữu tỉ: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa...
- Căn bậc hai số học, giá trị tuyệt đối của một số thực, làm tròn và ước lượng
- Tỷ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau, đại lượng tỉ lệ thuận

2. Hình học:

- Hình học trực quan: hình hộp chữ nhật, hình lập phương, lăng trụ đứng
- Góc ở vị trí đặc biệt: góc đối đỉnh, góc kề bù,...
- Tia phân giác của một góc
- Tính chất, dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid
- Định lý.

II. BÀI TẬP THAM KHẢO:

A. Trắc nghiệm:

Câu 1. Kết quả của phép tính $\frac{-6}{7} \cdot \frac{21}{12}$ là:

- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{-3}{2}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{-2}{3}$

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{2}{5}$

- A. $-\frac{4}{15}$ B. $-\frac{4}{10}$ C. $-\frac{12}{15}$ D. $-\frac{12}{20}$

Câu 3. Cho $\frac{x}{21} = \frac{1}{3}$. Giá trị của x bằng:

- A. 63 B. $\frac{1}{7}$ C. 7 D. 0,7

Câu 4. Số nào sau đây là số vô tỉ:

- A. $\sqrt{3}$ B. $\sqrt{100}$ C. - 2,(234) D. $\frac{2}{7}$

Câu 5. Cho $x = 6,67254$. Khi làm tròn với độ chính xác 0,05 thì:

- A. $x \approx 6,67$ B. $x \approx 6,7$ C. $x \approx 6,6$ D. $x \approx 6,673$

Câu 6. Nếu $\sqrt{x} = 4$ thì $x = ?$

- A. -2 B. 2 C. 16 D. -16

Câu 7. Cho biết y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ 3. Hãy biểu diễn y theo x?

- A. $y = \frac{-1}{3}x$ B. $y = \frac{1}{3}x$ C. $y = \frac{3}{x}$ D. $y = 3x$

Câu 8. Cứ 100 lít nước biển thì cho 2,5kg muối. Hỏi 600 lít nước biển cho bao nhiêu kg muối?

- A. 6kg B. 25kg C. 60kg D. 15kg

Câu 9. Cho $\angle xBy$ có số đo bằng 60° . Góc đối đỉnh với $\angle xBy$ có số đo là:

- A. 30° B. 60° C. 90° D. 120°

Câu 10 Hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại điểm O. Hai góc đối đỉnh là:

A. xOy và xOx'

B. xOy và $x'Oy'$

C. xOy'

và yOy'

D. xOx' và yOy'

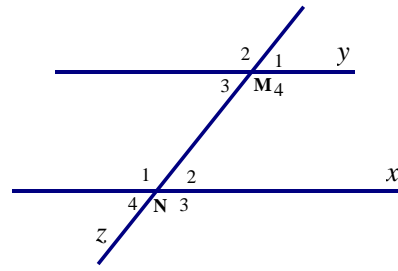
Câu 11. Cho hình vẽ bên. Cặp góc đồng vị là:

A. M_1 và N_4

B. M_4 và N_3

C. M_4 và N_2

D. M_3 và N_2



Câu 12 Cho hình vẽ bên. Biết $x \parallel y$ và $M_2 = 35^\circ$. Tính số đo góc

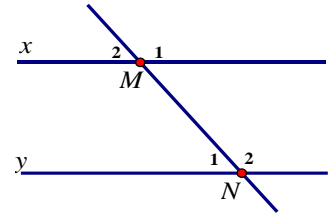
N_1 ?

A. $N_1 = 35^\circ$

B. $N_1 = 55^\circ$

C. $N_1 = 185^\circ$

D. $N_1 = 145^\circ$



B. Tự luận:

Phần Đại số

Bài 1. Thực hiện các phép tính (hợp lí nếu có thể):

a) $0,8 - \left(\frac{-2}{7}\right) - \frac{7}{10}$

b) $\frac{5}{23} + \frac{7}{17} - 0,25 - \frac{5}{23} + \frac{10}{17}$

c) $\frac{5}{7} \cdot \left(\frac{-3}{11}\right) + \frac{5}{7} \cdot \left(\frac{-8}{11}\right) + 2\frac{5}{7}$

d) $(-2)^3 + \frac{1}{2} : \frac{1}{8} - 5 + \sqrt{64}$

e) $\frac{-6}{25} + \left|\frac{-4}{5}\right| - \left|\frac{2}{25}\right|$

f) $\sqrt{\frac{4}{25}} + \left|\frac{-4}{5}\right| - \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 - 0,75$

Bài 2. Tìm x, y, z biết:

a) $\frac{1}{3}x - 2 = \frac{3}{5}$

b) $\left(\frac{-1}{3}\right)^{2x-1} = \frac{1}{27}$

c) $17 - \left|\frac{2}{3} - 4x\right| = 9$

d) $\frac{3x-1}{8} = \frac{0,5}{2}$

e) $\frac{x}{2} = \frac{y}{5}$ và $x + y = -21$

f) $\frac{x}{5} = \frac{y}{6} = \frac{z}{7}$ và $x + y + z = 54$

g) $\frac{x}{5} = \frac{y}{2}$ và $3x - 2y = 44$

Bài 3. Hướng ứng phát động quyên góp, ủng hộ trẻ em vùng cao của Liên đội; ba lớp 7A, 7B, 7C quyên góp được tổng cộng 240 quyển vở, biết rằng số quyển vở quyên góp được của mỗi lớp lần lượt tỉ lệ với số học sinh là 40; 38; 42. Hãy tính số quyển vở quyên góp của mỗi lớp?

Bài 4. Khối 7 của một trường THCS trong quận sau khi kiểm tra giữa học kì I môn Toán, điểm của các học sinh đạt điểm giỏi, khá, trung bình lần lượt tỉ lệ với 7; 5; 4. Tính số học sinh đạt được điểm mỗi loại, biết số học sinh đạt điểm trung bình ít hơn tổng số học sinh đạt điểm giỏi và khá là 24 học sinh?

Bài 5. Điểm môn Toán của bạn Lan trong học kì I như sau:

- Điểm đánh giá thường xuyên (hệ số 1): 7; 9; 8; 10

- Điểm đánh giá giữa kì (hệ số 2): 8,5

- Điểm đánh giá cuối kì (hệ số 3): 9,5

Tính điểm trung bình môn Toán của bạn An trong học kì I và làm tròn kết quả với độ chính xác 0,05?

Phần Hình học

Bài 1. Một bể rồng chứa nước có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 2,5m; chiều rộng 1,8m và chiều cao 1m.

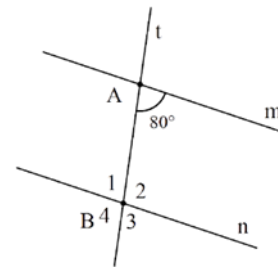
- a) Tính thể tích của bể nước?
 b) Người ta sử dụng một máy bơm nước có công suất 30l/phút để bơm đầy bể đó. Hỏi sau bao nhiêu giờ bể đó đầy nước?

Bài 2. Cho $\widehat{xOy} = 100^\circ$. Vẽ tia Oz nằm trong góc xOy sao cho $\widehat{xOz} = 50^\circ$.

- a) Tính số đo góc yOz
 b) Chứng minh tia Oz là tia phân giác của góc xOy
 c) Vẽ tia Ot là tia đối của tia Ox. Tính số đo góc yOt và góc zOt
 d) Vẽ tia Ov là tia phân giác của góc yOt. Chứng minh rằng góc zOt là góc vuông

Bài 3. Vẽ hình, ghi GT – KL của định lý sau: “Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì các cặp góc trong cùng phía bù nhau”

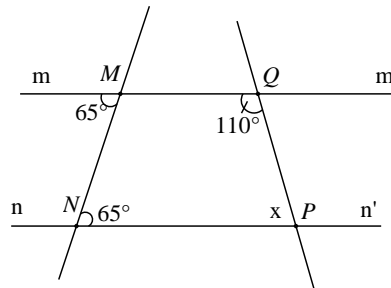
Bài 4. Cho hình 1, biết hai đường thẳng m và n song song với nhau. Tính số đo các góc $\widehat{B_1}$; $\widehat{B_2}$; $\widehat{B_3}$; $\widehat{B_4}$



Hình 1

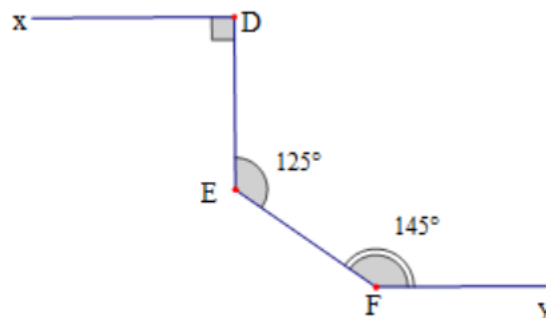
Bài 5. Cho hình vẽ 2

- a) Chứng minh: $mm' // nn'$
 b) Tính số đo x



Hình 2

Bài 6. Cho hình vẽ biết $Dx \perp DE$, $\widehat{DEF} = 125^\circ$, $\widehat{EFy} = 145^\circ$. Chứng minh $Dx // Fy$.



A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Trình bày được đặc trưng của VB truyện tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ 4 chữ, 5 chữ, truyện khoa học viễn tưởng, nghị luận văn học.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Tiểu thuyết và truyện ngắn.

- Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, ngôi kể, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, ...) của văn bản.

Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (số tiếng ở mỗi dòng, vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; ...) và những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.

Bài 3: Truyện khoa học viễn tưởng

Nhận biết được một số yếu tố hình thức (sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh...) và nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.

Bài 4: Nghị luận văn học

Nhận biết được đặc điểm hình thức (cấu trúc, cách nêu ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của bài nghị luận.

II. Phần tiếng Việt

- Nhận biết và giải nghĩa từ
- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, câu hỏi tu từ, ...
- Nhận biết và vận dụng được số từ, phó từ vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói, nghe có hiệu quả.

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

Dạng 2: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bản, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt là mới thôi.

- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiện từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:

- Ông cụ bị điếc áy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.

Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.

(Hoàng Phương)

Câu 1: Truyện ngắn trên được kể ở ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ nhất và thứ ba.
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ hai.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Thuyết minh
- D. Biểu cảm

Câu 3: Nhân vật cô bé được tác giả miêu tả CHỦ YẾU thông qua yếu tố nào?

- A. Suy nghĩ, lời nói.
- B. Lời nói, hành động
- C. Hành động, suy nghĩ, ngoại hình.
- D. Ngoại hình, lời nói, nhận xét của nhân vật khác.

Câu 4: Tình tiết bất ngờ gây xúc động trong câu chuyện là gì?

- A. Cô bé vừa gầy vừa thấp bị loại khỏi dàn đồng ca.
- B. Cô bé đã trở thành ca sĩ nổi tiếng.
- C. Người khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng.
- D. Ông cụ bị điếc nhưng vẫn lắng nghe và động viên cô bé hát.

Câu 5: Điều gì đã khiến cô bé trở thành một ca sĩ nổi tiếng?

- A. Cô bé được thầy giáo giảng dạy.
- B. Cô bé bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca.
- C. Nhờ có lời khích lệ của ông cụ trong công viên.

D. Cô bé đã thay đổi cách ăn mặc.

Câu 6: Câu nào sau đây nêu nhận xét đúng nhất về nhân vật cụ già trong câu chuyện?

A. Cụ là một người nhẫn nại, bao dung.

B. Cụ là một người cư xử văn minh, lịch sự nơi công cộng.

C. Cụ là một người nhân hậu, biết sẻ chia, giàu tình yêu thương.

D. Cụ là một người rất yêu âm nhạc.

Câu 7: Trong câu in đậm, đâu là cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ?

A. Bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca.

B. Thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca.

C. Một cô bé vừa gầy vừa thấp

D. Vừa gầy vừa thấp

Câu 8: Phó từ trong câu văn: “Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt là mới thôi.” là gì?

A. cứ

B. Cô bé

C. này

D. đến

Câu 9: Thông qua văn bản, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì? (Trình bày dưới dạng đoạn văn ngắn).

Câu 10: Bài học em rút ra sau khi đọc xong câu chuyện là gì?

ĐỀ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

Trăng ơi..... Từ đâu đến?

(1)Trăng ơi...Từ đâu đến?

Hay từ cánh rừng xa

Trăng hồng như quả trứng

Lơ lửng lên trước nhà

(2) Trăng ơiTừ đâu đến?

Hay biển xanh diệu kì

Trăng tròn như mắt cá

Chẳng bao giờ chớp mi

(3)Trăng ơi... Từ đâu đến?

Hay từ **một** sân chơi

Trăng bay như quả bóng

Bạn nào đá lên trời

(4) Trăng ơi ...Từ đâu đến?

Hay từ lời mẹ ru

Thương Cuội không học được

Hú gọi trâu đến giờ

(3)Trăng ơi... Từ đâu đến?

Hay từ đường hành quân

Trăng soi chú bộ đội

Và soi vàng góc sân

(6)Trăng ơi... Từ đâu đến?

Trăng đi khắp mọi miền

Trăng ơi có nơi nào

Sáng hơn đất nước em...

1968

(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc)

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tự do

Câu 2: Chỉ ra cách gieo vần được sử dụng chủ yếu trong bài thơ “Trăng ơi... Từ đâu đến?”

- A. Vần hỗn hợp B. Vần liền C. Vần lưng D. Vần chân.

Câu 3: Cụm từ nào được nhắc đi nhắc lại trong bài thơ?

- A. Trăng ơi... Từ đâu đến? B. Hay từ lời mẹ ru.
C. Lơ lửng lên trước nhà. D. Sáng hơn đất nước em.

Câu 4: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ sau là gì?

“Trăng hồng như quả trứng
Lơ lửng trước hiên nhà”

- A. Điệp ngữ B. Hoán dụ C. So sánh D. Ẩn dụ

Câu 5: Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ

“Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi”

- A. Làm hình ảnh thiên nhiên trở nên nổi bật, sinh động hơn.
B. Làm nổi bật vẻ đẹp của trăng.
C. Làm nổi bật vẻ đẹp của thiên nhiên và sự cần cù, chăm chỉ của con người lao động.
D. Tạo ra nhịp điệu cho câu thơ.

Câu 6: Từ “một” được in đậm trong bài thơ trên thuộc từ loại nào?

- A. số từ B. phó từ C. danh từ D. quan hệ từ

Câu 7: Dòng nào sau đây nêu đúng chủ đề của bài thơ?

- A. Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước từ đó bộc lộ niềm tự hào của tác giả
B. Ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến chống Mỹ
C. Ca ngợi tình yêu làng quê mở ra là tình yêu đất nước.
D. Thể hiện tình cảm yêu mến và niềm tự hào về quê hương đất nước Việt Nam của tác giả.

Câu 8: Nêu cảm nghĩ của anh/chị sau khi đọc xong **khổ thơ 6**.

Câu 9: Viết một đoạn văn ngắn từ 3-5 câu trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc xong bài thơ “Trăng ơi... Từ đâu đến?”. Trong đoạn văn có sử dụng 01 phó từ, gạch chân và chú thích rõ.

ĐỀ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi đi cạnh Nê-mô (Nemo) hướng theo ngọn lửa dẫn đường ấy. Đáy biển lúc đầu còn bằng phẳng, sau dâng cao dần. Chúng tôi chống gậy bước những bước dài nhưng chậm vì đáy biển đầy tảng và đá dăm...

[...] Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hoá đá vì tác động của muối biển...

Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết!

Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con

đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt.

Tôi hiểu rõ rằng những điều tôi miêu tả về cuộc tham quan dưới đáy biển chắc các bạn sẽ cho là chuyện bịa hoàn toàn! Nhưng không, tôi không mơ ngủ đâu! Tất cả những cái đó tôi đều nhìn thấy tận mắt!

[...] Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.

Tôi đang ở đâu? Ở đâu? **Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu!**

Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước tới gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy. Sau đó, ông ta lấy một viên đá trắng mềm viết lên tường một chữ: **ÁT-LAN-TÍCH** (ATLANTIS).

Át-lan-tích! Đó là một lục địa mà sự tồn tại được nhiều nhà bác học tranh cãi. Lục địa đó đã nằm trước mắt tôi với tất cả những bằng chứng của tai hoạ đã xảy ra!

Cách đây nhiều thế kỉ, những trận lũ lụt và động đất đã hoành hành trên hành tinh của chúng ta. Chỉ cần một đêm và một ngày là lục địa Át-lan-tích đã bị xoá sạch khỏi mặt đất. Chỉ có những ngọn núi cao nhất là còn được trông thấy ngày nay!

Tôi nhớ lại tất cả những điều đó khi đọc chữ “Át-lan-tích” của Nê-mô. Số phận kì lạ đã đưa tôi đến ngọn núi của lục địa đã bị mất! Tôi được sờ mó vào những hòn đá của những toà nhà đồng thời với các thời đại địa chất! Tôi được bước chân lên mảnh đất mà những người nguyên thuỷ đã đi! Dưới chân tôi lạo xạo những vật hoá thạch đã sống ở thời kì xa xưa nhất dưới bóng cây giờ đây đã biến thành đá.

(Giuy-n Véc-nơ, Hai vạn dặm dưới biển, Đỗ Ca Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 300 – 304)

Câu 1: Xác định đề tài của đoạn trích trên:

- A. Du hành thời gian.
- B. Du hành vũ trụ
- C. Khám phá đại dương.
- D. Công nghệ tương lai.

Câu 2: Đoạn trích trên được kể ở ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ ba
- B. Ngôi thứ nhất
- C. Ngôi thứ nhất và thứ ba
- D. Ngôi thứ hai

Câu 3: Tình huống truyện của đoạn trích trên là gì?

- A. Nhân vật tôi và Nê-mô tìm ra một loài sinh vật mới.
- B. Nhân vật tôi và Nê-mô đặt chân đến lục địa Át-lan-tích từng biến mất.
- C. Nhân vật tôi và Nê-mô tìm thấy một thành phố mới.
- D. Nhân vật tôi và Nê-mô khám phá ra một hiện tượng tự nhiên dưới đáy biển.

Câu 4: Yếu tố khoa học viễn tưởng của đoạn trích trên là gì?

- A. Con người chinh phục đáy biển sâu.
- B. Con người sử dụng tàu chiến

- C. Xuất hiện người nguyên thủy
- D. Chế tạo được trang phục lặn bảo vệ con người dưới nước.

Câu 5: Từ in đậm trong câu sau thuộc từ loại nào?

“Sau đó, ông ta lấy **một** viên đá trắng mềm viết lên tường **một** chữ: ÁT-LAN-TÍCH (ATLANTIS).”

- A. Phó từ
- B. Đại từ
- C. Số từ
- D. Lượng từ.

Câu 6: Nhân vật “tôi” được tác giả miêu tả chủ yếu thông qua phương diện nào?

- A. Suy nghĩ, hành động
- B. Hành động, lời nói
- C. Ngoại hình, lời nói.
- D. Suy nghĩ, lời nói.

Câu 7: Khi đặt chân đến lục địa Át-lan-tích đã bị biến mất, tâm trạng của nhân vật “tôi” thế nào?

- A. Xúc động, bàng khuâng
- B. Ngạc nhiên, thích thú
- C. Sợ hãi, lo lắng
- D. Bàng hoàng, sững sờ

Câu 8: Đây là cụm chủ vị bổ sung cho từ làm vị ngữ trong câu văn in đậm?

- A. Cái mũ sắt đang bảo vệ đầu
- B. Tôi muốn biết điều đó
- C. Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó
- D. Dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu

Câu 9: Chi tiết nào trong văn bản khiến em ấn tượng nhất? Vì sao.

Câu 10: Nếu trở thành một nhà thám hiểm, em sẽ lựa chọn du hành tới không gian vạn dặm dưới biển để khám phá đại dương kì bí hay du hành lên vũ trụ, khám phá hành tinh của hệ Mặt trời? Lí giải về sự lựa chọn đó bằng một đoạn văn khoảng 3-5 câu.

ĐỀ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Ở khúc I, Dế Mèn là một nhân vật còn non trẻ (vì trẻ người nên non dạ, vì đã lớn nhưng chưa đủ khôn). Cũng giống như lứa tuổi của chúng mình chú thường có thói tự đắc (tự cho mình là hay, là giỏi nên thường sa vào thói “*tiểu nhân đắc chí*”). Hãy nghe lời tự thú của Dế Mèn: “*Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không*”. Cũng vì thói tự đắc này mà Dế Mèn đã bỏ qua lời khuyên chí tình, chí lí của Dế Choắt - một hàng xóm hiền lành, tốt bụng - để đến nông nổi Dế Choắt phải nhận lấy cái chết tức tưởi, oan khuất (bị chị Cốc mổ chết). Một khung cảnh thật thê lương: “*Tôi đem xác Dế Choắt chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên*”. Đó là bài học gì vậy? Bài học về phép ứng xử với đồng loại: “*Chao ôi, tôi có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình mà thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Tôi mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được*”.

Tô đậm cái bài học đường đời đầu tiên của nhân vật Dế Mèn, nhà văn Tô Hoài có một ngụ ý thâm thúy: nhân cách con người hình thành trong giai đoạn đầu đời rất quan trọng. Nên cái câu răn của cố nhân “*Dạy con từ thuở lên ba*” là chí lí. Suy rộng ra, quãng thời gian trẻ thơ đến trường từ lớp mẫu giáo cho hết tiểu học là vô cùng quan trọng. Lúc đó các em như tờ giấy trắng. Bố mẹ, thầy cô “vẽ” lên trên đó những gì thì mãi mãi còn lưu lại, còn đọng lại, còn “thấm” lại, và quan trọng hơn là từ đó sẽ định hình cho tương lai.

(Trích *Diễn biến tâm lí của nhân vật Dế Mèn*, Bùi Việt Thắng, in trong *Đi tìm vẻ đẹp văn chương*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.61)

Ghi lại chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. Trong đoạn trích, người viết nêu nhận xét chủ yếu về nhân vật văn học nào?

- A. Dế Mèn. B. Dế Choắt. C. Chị Cốc. D. Dế Trũi.

Câu 3. Dẫn chứng “*Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.*” được đưa vào văn bản bằng cách nào?

- A. Trích nguyên văn. B. Tóm tắt ngắn gọn.
C. Thêm những chi tiết khác. D. Dẫn suy nghĩ của tác giả.

Câu 4. Đoạn văn “*Chao ôi, tôi có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình mà thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Tôi mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc dại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.*” làm sáng tỏ lí lẽ nào?

- A. Bài học về thói tự đắc, tự cao.
B. Bài học về phép ứng xử với đồng loại.
C. Bài học về một lần nghịch dại, không suy tính.
D. Bài học về một câu chuyện buồn.

Câu 5. Xác định số từ có trong câu văn sau: “*Tô đậm cái bài học đường đời đầu tiên của nhân vật Dế Mèn, nhà văn Tô Hoài có một ngụ ý thâm thúy: nhân cách con người hình thành trong giai đoạn đầu đời rất quan trọng.*”

- A. quan trọng. B. người. C. rất. D. một.

Câu 6. Trong văn bản trên, việc tác giả sử dụng các câu văn trích dẫn từ truyện “*Dế Mèn phiêu lưu ký*” có tác dụng chủ yếu gì?

- A. Làm cho văn bản trở nên dài hơn.
B. Làm cho lí lẽ trong bài phân tích có sức thuyết phục cao.
C. Câu chuyện trở nên chân thực, đáng tin cậy hơn.
D. Làm cho bài phân tích thể hiện được nhiều cung bậc cảm xúc.

Câu 7. Sau khi đọc xong văn bản trên một bạn đã nhận xét: “*Dế Mèn khiến người đọc rút ra bài học ý nghĩa về cuộc sống.*” cụm từ in đậm mở rộng cho thành phần nào của câu?

- A. Chủ ngữ B. Trạng ngữ C. Phụ ngữ D. Vị ngữ

Câu 8. Dòng nào nói lên mục đích của văn bản trên?

- A. Cung cấp thông tin về nhân vật Dế Mèn.
B. Thuyết phục người đọc về tính đúng đắn ở bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.
C. Kể lại cho mọi người về câu chuyện Dế Mèn đã nhận được bài học đường đời đầu tiên.
D. Thể hiện cảm xúc, thái độ không ưa thích nhân vật Dế Mèn.

Thực hiện các yêu cầu sau.

Câu 9. Theo tác giả, thông qua việc xây dựng hình tượng Dế Mèn và khắc họa rõ nét bài học đường đời đầu tiên của chú, Tô Hoài muốn gửi gắm thông điệp “*nhân cách con người hình thành trong giai đoạn đầu đời rất quan trọng*”. Em rút ra bài học nào cho mình từ nhân vật Dế Mèn?

Câu 10. Từ hiểu biết của mình về các tác phẩm truyện đã đọc, em hãy viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu cảm nhận về một nhân vật em yêu thích.

Dạng 2: VIẾT

Đề 1: Viết bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình em.

Đề 2: Viết bài văn ngắn phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học mà em yêu thích.

REVISION FOR THE FIRST TERM TEST– GRADE 7

PART A: USE OF LANGUAGE

I. VOCABULARIES (UNIT 1 – 6)

- Hobbies, action verbs.
- Health problems, healthy activities and health tips.
- Community activities
- Music and arts.
- Food and drink, appearance and taste of different foods and drinks, verbs for cooking.
- Schools, school facilities, and school activities.

II. PRONUNCIATION

- Sounds:

/ə/, /ɜ:/, /v/, /f/, /t/, /d/, /id/, /ʃ/, /ʒ/, /v/, /ɔ:/, /tʃ/, /dʒ/

III. GRAMMAR:

1. Present simple

Form

* **To be (am/is/are)**

(+) S + am/is/are + ... (-) S + am/is/are + not + ... (?) Am/Is/Are + S + ...? - Yes, S + am/is/are. - No, S + am not/isn't/aren't.	S là: - I + am - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + is - We/You/They/Danh từ số nhiều + are + Dạng rút gọn: is not = isn't I am = I'm She is = She's "Yes" We are = We're ; are not = aren't không dùng trong câu trả lời "Yes"
---	--

* **Ordinary verbs (động từ thường)**

(+) S + V/V _{s/es} (-) S + do not / does not + V (?) Do/Does + S + V ? - Yes, S + do/does - No, S + don't/doesn't.	S là: - I/ We/You/They/Danh từ số nhiều + V - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + V_{s/es} + Trợ động từ: - We/You/They/Danh từ số nhiều + Do - He/She/It/ Danh từ số ít, ko đếm được + Does + Dạng rút gọn: do not = don't ; does not = doesn't
---	---

2.Past simple

* **To be**

(+) S + was/ were + ... (-) S + was/ were + not + ... (?) Was/ Were + S + ...? Yes, S+ was/ were. No, S + was/ were + not.	* Note: + was not = wasn't ; were not = weren't + S là: I/ He/She/It / DT số ít + ' WAS' + S là: We/ You/ They/ DT số nhiều + ' WERE'
--	---

* **Ordinary verbs (động từ thường)**

(+) S + V _{-ed/ V₂}	* Note:
---	----------------

(-) S + did not + V (?) Did + S + V ? - Yes, S + did. - No, S + didn't.	- V: Động từ nguyên thể - V-ed : Động từ có đuôi 'ed' - V ₂ :Động từ bất quy tắc cột 2 (trong bảng động từ BQT) - did not = didn't
--	--

3. Verbs of liking and disliking

Like/ Love / Enjoy/ Hate (not like) + V-ing

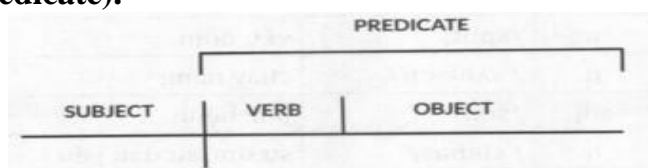
Eg: *I like going to the movies.*

* Some other verbs + V-ing:

- fancy (v): yêu thích, mến
- detest (v): ghét cay ghét đắng
- dislike (v): không thích
- adore (v): mê, thích, yêu thiết tha.

4. Simple sentences

Câu đơn là câu chỉ chứa một mệnh đề, hay cụ thể hơn là một mệnh đề độc lập, có **chủ ngữ (subject)** và **vị ngữ (predicate)**.



Chúng ta có thể gặp các kiểu câu đơn sau:

- Câu đơn gồm một chủ ngữ và một động từ (SV).

E.g.1: The price rises. (Giá tăng)

S V

Jessie is crying. (Jessie đang khóc.)

S V

- Một số câu đơn có thêm tân ngữ (SVO).

E.g.2: Jessie ate dinner. (Jessie ăn tối.)

S V O

She buys some books. (Cô ấy mua vài cuốn sách.)

S V O

5. Comparisons: (not) as...as, like, different from.

* (not) asas

- we use “ as + adj+ as” to show that two things are similar.
- We use “ not as + adj+ as” to mean something is “more” or “less” than something else.

Form:

S + to be (not) + as + adj + as + noun/ pronoun/ clause.

Example:

Folk music is as melodic as pop music.

* like

- We use like to show that some thing is similar to something else.

S + to be + like + noun/ pronoun ...

Example:

- My brother is like my fathe.

*Different from

- We use different from to show that two or more things are not similar.

S + to be + different from + noun/ pronoun ...

Example:

- Emily is different from her sister.

6. Some, a lot of, lots of

* Some /Any

Some/ Any + N (plural countable/ uncountable)

- Some is used in positive sentences and special question for suggestion
- Any is used in negative sentences and questions.

Example:

- There are some students in the library.

* A lot of/ lots of

A lot of/ lots of = much/ many

Lots of/ A lot of + N (plural countable/ uncountable)

- We often use lots of/ a lot of in positive sentences and questions.

7. How much/ How many.

- **How much** + N (uncountable)

- **How many** + N (plural countable)

Structure:

How much + N-uncountable +is there ...?

Ex: How much rice is there in the bag?

How much + N-uncountable + Auxiliary verb + S + V ...?

Ex: How much water do you drink a day?

How many + N-plural countable +are there ...?

Ex: How many chairs are there in this room?

How many + N-plural countable + Auxiliary verb + S + V ...?

Ex: How many trees did they plant in the garden yesterday?

8. Prepositions of time and place

	Form	Meaning
Prepositions of time	1. in	used to show a period of time that is longer or shorter than a day (e.g. <i>in the morning, in 2020, ...</i>)
	2. on	used to show a day or part of a day (e.g. <i>on Monday, on January 18th, on Christmas Day, ...</i>)
	3. at	used to show a point of time (e.g. <i>at six o'clock, at noon, at break time, ...</i>)
Prepositions of place	1. in	inside something / a place (e.g. <i>in the classroom, in the school garden, in the playground</i>)
	2. on	on the surface of something (e.g. <i>on the board, on the wall, on the second floor</i>)
	3. at	shows a certain point (e.g. <i>at home, at school, at work</i>)

IV. Speaking

- Introduce and answer teacher's questions.
- Present the topic and answer teacher' questions

TOPICS	CONTENT	QUESTIONS
	<ul style="list-style-type: none"> - Talk about the name of the hobby. - Talk about when you started the hobby and who you share it with. 	1. How often do you (play football)?

1. TALK ABOUT YOUR HOBBY	- Talk about what you have to do - Talk about your feelings, your future plan ...	2. What makes you like this hobby? ...
2. TALK ABOUT SOMETHING THAT YOU DO TO STAY HEALTHY	- Talk about the importance of the health. - Your feelings and your future plan to keep you healthy ...	1. What should you do to keep you healthy? 2. Do you think your diet is balanced?
3. TALK ABOUT COMMUNITY SERVICE	- Talk something about the people in your local community (life, need...) - Talk about 3 or 4 volunteer activities you or your friends can do to help them - Talk about your feelings and future ...	1. Who do you think will get benefits from volunteering work? 2. What activity do you think is best to help our community?
4. TALK ABOUT MUSIC AND ART	- Talk about the importance of music and art in your life. - Talk about 3 or 4 things music and art help you - Your feelings and future ...	1. What kinds of musical instruments can you play? 2. Do you think that Music and Art are important to our life? Why? Why not?
5. TALK ABOUT A POPULAR DISH IN VIET NAM	- Name a popular dish in Viet Nam - Talk about the appearance, taste and ingredients - How to make it - Your feelings ...	1. What is your favourite dish? 2. How can we make it?
6. TALK ABOUT A VISIT TO A SCHOOL	- Tell about your school. (full name, location, students and school facilities)	1. Where is it? 2. What facilities does the school have?

PART B: PRACTICE

I. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions:

- | | | | |
|-------------------------|---------------------|----------------------|--------------------|
| 1. A. <u>term</u> | B. <u>pepper</u> | C. <u>prefer</u> | D. <u>serve</u> |
| 2. A. <u>fruit</u> | B. <u>safe</u> | C. <u>of</u> | D. <u>flu</u> |
| 3. A. <u>collection</u> | B. <u>tradition</u> | C. <u>exhibition</u> | D. <u>question</u> |
| 4. A. <u>closure</u> | B. <u>sure</u> | C. <u>pleasure</u> | D. <u>leisure</u> |
| 5. A. <u>ocean</u> | B. <u>concert</u> | C. <u>musician</u> | D. <u>official</u> |
| 6. A. <u>bottle</u> | B. <u>one</u> | C. <u>coffee</u> | D. <u>pot</u> |
| 7. A. <u>morning</u> | B. <u>yoghurt</u> | C. <u>problem</u> | D. <u>what</u> |
| 8. A. <u>talk</u> | B. <u>sausage</u> | C. <u>salt</u> | D. <u>cause</u> |
| 9. A. <u>flour</u> | B. <u>flower</u> | C. <u>cow</u> | D. <u>Pork</u> |
| 10. A. <u>gymnastic</u> | B. <u>fragrant</u> | C. <u>originate</u> | D. <u>allergy</u> |
| 11. A. <u>donated</u> | B. <u>passed</u> | C. <u>cooked</u> | D. <u>washed</u> |
| 12. A. <u>watched</u> | B. <u>phoned</u> | C. <u>preferred</u> | D. <u>followed</u> |

II. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions:

- | | | | |
|----------------|-------------|---------------|---------------|
| 1. A. control | B. calories | C. puppet | D. sunburn |
| 2. A. perform | B. support | C. surround | D. sausage |
| 3. A. tutor | B. diet | C. Locate | D. tasty |
| 4. A. music | B. science | C. teacher | D. contain |
| 5. A. surprise | B. sugar | C. profession | D. success |
| 6. A. spicy | B. anthem | C. delicious | D. fragrant |
| 7. A. natural | B. national | C. literature | D. suggestion |
| 8. A. composer | B. heritage | C. originate | D. essential |

III. Mark A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions:

- Ngoc _____ eating fast food because it's not good for her health.
A. likes B. loves C. hates D. enjoys
- She _____ lemonade in the morning.
A. drinks never B. drink never C. never drinks D. never drink
- Our teacher _____ to school every day.
A. don't walk B. doesn't walks C. don't walks D. doesn't walk
- The bus from Delhi _____ at 12:30.
A. arrives B. arrive C. is arrive D. is arrives
- My mother enjoy _____ the gardening.
A. do B. doing C. to do D. does
- They _____ games for hours yesterday.
A. play B. don't play C. didn't played D. played
- My brother _____ from high school in 2020.
A. graduates B. graduated C. graduate D. is graduates
- She _____ in Bangkok for two years. She _____ there anymore.
A. lived - doesn't live B. lives - didn't live C. lived - didn't live D. live - doesn't live
- If you want to live long, you _____ eat much red meat.
A. should B. needn't C. have to D. shouldn't
- Don't read in bed, _____ you'll harm your eyes.
A. or B. and C. but D. so
- My hair is different _____ your hair.
A. with B. from C. to D. for
- When you have a temperature, you should drink more water and rest _____.
A. more B. most C. less D. all
- The tomato soup was _____ as the mushroom soup.
A. delicious B. more delicious C. as delicious D. as delicious as
- This new video clip is _____ the original one.
A. different from B. different C. different as D. as different
- His Jacket is almost the same colour _____ mine.
A. with B. as C. to D. for
- That woman looks _____ my aunt.
A. so B. from C. like D. as
- Water puppetry began _____ the 11th century.
A. in B. on C. at D. from
- The _____ is rather older now; however, her acting ability has never been better.
A. composer B. actress C. artist D. actor
- Juan and Patricia are not the same height Juan is _____ Patricia.
A. as tall as B. not as tall as C. more tall than D. not tall than
- Saxophones are used mainly for _____ jazz music.
A. composing B. taking C. playing D. writing

21. I went to the 3D _____ last weekend. The paintings were excellent!
 A. movie theater B. concert hall C. opera house D. art museum
22. _____ does a water puppet show take place? ~ In a pool.
 A. What B. When C. How D. Where
23. What is your _____ dish for breakfast? - It's beef noodle soup.
 A. favourite B. most C. best D. liking
24. The eel soup that your father has just cooked tastes very _____.
 A. well B. best C. healthy D. delicious
25. A _____ is a small meal that you eat when you are in a hurry.
 A. snack B. fast food C. breakfast D. lunch
26. _____ water should I put into the glass?
 A. How B. How much C. How many D. What
27. _____ tomatoes do you need to make the sauce?
 A. How much B. How long C. How often D. How many
28. _____ bottles of milk does your family need for a week?
 A. How much B. How many C. How D. How often
29. There are _____ cars in our city. Too many. I don't like it.
 A. some B. a lot of C. much D. any
30. Would you like something for dessert? - I'd like _____ grape juice.
 A. a B. any C. some D. an
31. There is _____ tofu, but there aren't _____ sandwiches.
 A. some - some B. any - any C. some - any D. any - some
32. The students like playing badminton and football _____ their break time.
 A. in B. on C. of D. at
33. My classroom is _____ the second floor.
 A. on B. at C. in D. from
34. "Well done! That's a very nice picture!" - " _____"
 A. Thanks. It's nice of you to say so. B. Wow. What's a nice compliment!
 C. Yes. I think so too. D. Right. I've painted a nice picture.
35. Tyler: "Let's buy this pink purse for Mum!"
 Selena: " _____"
 A. Yes, you're right. B. Good idea!
 C. I'm fine, thanks. D. You must be a fool!
36. "Thank you very much for your help?" - " _____"
 A. Thank you very much too. B. How nice of you to say so!
 C. Yes. That's alright. D. You're welcome
37. Lauren: "What was Irene's party like?"
 Anton: " _____"
 A. I didn't go to it. B. Thanks, that's nice.
 C. I'd like a big cake. D. She was very lovely.
38. "Mum, I've won the girls' long jump." - " _____"
 A. It's nothing. B. All right. C. Congratulations! D. Don't be proud!

IV. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions:

1. Solving that math problem was a piece of cake to me. I just needed two minutes.
 A. very hard B. very easy C. very delicious D. very cheap
2. WWF is a non-profit organization that protects the wildlife.
 A. making money at all B. not working for money
 C. earning a lot of money D. needing money
3. He comes from a very wealthy family, so he has a lot expensive cars.

- A. rich B. traditional C. expensive D. Normal
4. Vietnamese spring rolls are very **delicious** so a lot of people like eating them.
A. tasty B. salty C. sweet D. bitter
5. He'll take the new job whose salary is **fantastic**.
A. reasonable B. acceptable C. pretty high D. wonderful
6. The church which I visited last month is extremely **ancient**
A. new B. historic C. fresh D. modern
7. Thu **is interested in** singing
A. likes B. dislikes C. hates D. detests
8. The water puppetry is a **unique** Vietnamese tradition.
A. special B. normal C. important D. emotional

V. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:

1. Pop music is **different from** rock music.
A. like B. unlike C. diverse D. various
2. Linda **put on** weight three months ago
A. took B. got C. lost D. gained
3. Drinking at least 2 liters of water a day is **good for your physical and mental health**
A. healthy B. **unhealthy** C. beneficial D. great`
4. She must be very **strong** to carry such a weight on her back.
A. weak B. muscular C. sick D. Healthy
5. To an American, success is the result of **hard-work** and self-reliance.
A. devotion B. industry C. laziness D. enthusiasm
6. Rock and roll is very **exciting** music.
A. boring B. lovely C. happy D. old
7. They **began** to study English when they were in grade 3.
A. started B. originated C. performed D. finished
8. He **takes part in** this events only in Viet Nam.
A. joins B. participates in C. attends D. separates

VI. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions:

1. My brother hates do the same things day after day.
2. He starts collecting coins when he was 8.
3. Eating fruits and vegetables every day are very healthy.
4. Did you lived in Vancouver when you were young?
5. There are lots of interesting activities in Christmas Day.
6. How much kilos of beef do you want to buy?
7. How many glass of water should you drink per day?
8. Classical music is quite different to rock.
9. Before donate a book, make sure that it is in good condition.
10. Could you please tell me how making a pancake, Ms. Katherine?
11. Nelson likes to eat a orange and drink a cup of tea after every meal.
12. Could you please tell me how making a pancake, Ms. Katherine?

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks:

While art may not be vital to fulfill our basic needs, it does make life (1) _____. When you look at a painting or poster hang on your living room wall, you feel happy. The sculpture on the kitchen windowsill create a (2) _____ of joy. These varieties of art forms that we are surrounded by all come (3) _____ to create the atmosphere that we want to live in.

Just like art, music can make life extremely joyful and can have a huge effect (4) _____ our mood. If you have something hard or difficult to work on or are feeling tired, an energetic song will likely (5) _____ you up and add some enthusiasm to the situation. Similarly when stress is high, many people find that relaxing to calming music is something that eases the mind.

1. A. boring B. beautiful C. joyful D. helpful
2. A. sense B. feel C. cause D. way
3. A. away B. along C. down D. together
4. A. on B. in C. at D. of
5. A. take B. wake C. pick D. bring

VIII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions:

Vietnamese food culture varies by regions from the north to the south. In Northern Vietnam, food is characterized by light and balanced. Northern Vietnam is seen to be the cradle of Vietnamese cuisine with many notable dishes like Pho, Bun Rieu, Bun Thang, Bun Cha, BanhCuon, etc. Then, food culture in Northern Vietnam became popular in Central and Southern Vietnam with suitable flavors in each regions.

The regional cuisine of Central Vietnam is famous for its spicy food. Hue cuisine is typical Central Vietnam's food culture. Food in the region is often used with chili peppers and shrimp sauces, namely, Bun Bo Hue, BanhKhoai, BanhBeo, etc.

In Southern Vietnam, the warm weather and fertile soil create an ideal condition for planting a variety of fruit, vegetables and livestock. Thus, food in the region is often added with garlic, shallots and fresh herbs. Particularly, Southerners are favored of sugar; they add sugar in almost dishes. Some signature dishes from Southern Vietnam include BanhKhot and Bun Mam.

1. It is considered that Vietnamese cuisine _____.
A. originated from the North
B. became more and more popular
C. always combines taste and colour
D. can be found only in Northern Vietnam
2. What are the features of Northern Vietnamese food?
A. It's delicious and healthy. B. It's sweet and sour.
C. It's light and balanced. D. It's a bit fatty and salty.
3. Hue cuisine is notable for its _____.
A. colorful food B. spicy taste C. bitter taste D. light flavor
4. In Southern Vietnam, _____.
A. the warm weather makes it hard to plant fruit and vegetables
B. fresh herbs are always used in cooking
C. people love sweet food
D. sugar is often added to dishes
5. Which of the followings is NOT true?
A. Food in Vietnam changes region to region.
B. Southerners do not like northern food due to its light flavor.
C. Chill peppers and shrimp sauces are among the frequently used ingredients.
D. Bun Bo Hue is a typical dish of the Central Vietnam cuisine

IX. Read the following passage and mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the questions.

School of Rock

Have you seen the film *School of Rock*? It's about a rock musician who became a teacher. The film is based on a real music school which is run by Paul Green. Paul Green started the first *School of Rock* in 1998 in Philadelphia in the USA. He gave students rock music lessons after school, but he wanted to do more. Now he gives them the chance to play in rock concerts.

“Some of our students have never played in front of a real audience before. We teach them how to do it,” he says. He has already taught hundreds of young people to be rock performers, and now there are over 30 schools of rock in different towns in the USA.

1. How many schools of rock are there in the USA?

- A. over 20 B. over 30 C. over 40 D. over 50

2. What is the film *School of Rock* about?

- A. It is about a painter B. It is about a school
C. It is about a concert D. It is about a rock musician

3. When did Paul Green start his first rock school?

- A. In 1995 B. In 1996 C. In 1997 D. In 1998

4. What does he teach his students to do?

- A. He teaches them how to dance
B. He teaches them how to play in front of a real audience
C. He teaches them how to play musical instruments
D. He teaches them how to make a film

5. Who runs the real music school?

- A. Rock performers B. An audience
C. Paul Green D. Students

X. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

Vietnamese people may (1)_____to drink at coffee shops or pubs on weekdays (2) _____their friends after work. Some of them invite their friends to drink at their homes on weekends. In the past, the Vietnamese usually (3) _____home-made alcohol such as “ruou gao” or “ruou de”. Then, they started to drink beer or imported wines.

Vietnamese people know about the damage of drinking alcohol, but they still drink. More Vietnamese people (4) _____their free time outside their homes such as cinemas, theatres or coffee shops. The number of places for entertainment has increased in big cities. However, more young people use their free time to study or attend clubs or centres for improving (5)_____ such as communications, presentation and team working.

1. A. go on B. go out C. go D. go away
2. A. for B. of C. with D. to
3. A. drinking B. drink C. to drink D. drank
4. A. spend B. take C. come D. waste
5. A. memory B. skills C. experience D. knowledge

XI. Rewrite the sentences without changing their meaning.

1. Learning to play a musical instrument is one of my interests.

→ I'm interested _____.

2. It is very good for you to have a nutritious breakfast every morning.

→ You should _____.

3. Pop music is more popular than rock music.

→ Rock music is not _____.

4. My hair is short. Your hair is long.

→ My hair isn't _____.

5. This dress is more expensive than that one.

→ That dress isn't _____.

6. Food in San Francisco and food in New Orleans are different.

→ Food in San Francisco is _____.

7. Her shoes and my shoes are the same.

→ Her shoes is _____.

8. What is the price of a kilo of this watermelon?

→ How much _____?

9. His new guitar isn't different from his old one.

→ His new guitar is _____.

10. You are strong, but Jack he is stronger.

→ You aren't _____.

XII. Write the meaningful sentence using the words given.

1. She/ enjoy/ read/ books.

→ _____.

2. She/ start/ the hobby/ when/ she/ 6.

→ _____.

3. Do / exercise / regularly / help / you / stay / healthy.

→ _____.

4. We / need / calories / or / energy / do / things / every day.

→ _____.

5. How I banana / you / need / make I banana cake /?

→ _____.

XIII. Rewrite the following sentences using the words given.

1. Cycling is faster than walking. **(as)**

Walking _____

2. This tea doesn't taste the same as the one I usually drink. **(from)**

This tea _____

3. Money is not as important as health. **(than)**

Health _____

4. His new guitar isn't different from his old one. **(as)**

His new guitar _____

5. Everest is higher than K2. **(as)**

K2 _____

6. Oil painting is not the same as pencil painting. **(from)**

Oil painting _____

7. Yesterday's exam wasn't as short as today's. **(than)**

Today's exam _____

8. Your idea is different from mine. **(like)**

Your idea _____

9. She doesn't like eating fast food. **(dislike)**

She _____

10. I walked in the sun so long, so I got sunburn. **(because)**

I _____

XIV. Rewrite the sentence so that it has the same meaning as the given one. Using the words given

1. She started riding this bike two years ago. **(for)**

2. The painting is bigger than the photograph. **(not as.....as)**

3. I think ice-skating is difficult for Vietnamese people. **(find)**

4. I am not the same as my younger brother. **(different)**

5. It's the first time I have ever eaten Chung cake. **(never)**

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 2 chương:

Chương I: Trồng trọt.

Chương II: Lâm nghiệp.

Bài 7: Giới thiệu về rừng.

Bài 8: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Trồng trọt có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp trứng, sữa cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.

C. Cung cấp lương thực cho con người.

D. Cung cấp thịt cho xuất khẩu.

Câu 2. Một trong những ưu điểm của phương thức trồng trọt trong nhà có mái che là

A. tiến hành đơn giản.

B. chi phí đầu tư thấp.

C. cây trồng không cần chăm sóc.

D. cây trồng ít bị sâu bệnh.

Câu 3. Một trong những nhiệm vụ của kỹ sư bảo vệ thực vật là

A. nghiên cứu tạo ra các loại phân bón mới.

B. nghiên cứu tạo ra các loại thuốc trừ sâu mới.

C. nghiên cứu tạo ra các loại giống cây trồng mới.

D. nghiên cứu tạo ra các loại giống vật nuôi mới.

Câu 4. Một trong những mục đích của việc bừa đập đất là

A. san phẳng mặt ruộng.

B. thuận lợi cho việc chăm sóc.

C. làm tăng độ dày lớp đất trồng.

D. bổ sung chất dinh dưỡng cho cây trồng.

Câu 5. Một trong những công việc chăm sóc cây trồng là

A. gieo hạt, trồng cây con.

B. bừa đất, san phẳng mặt ruộng.

C. vun xới, làm cỏ dại.

D. lên luống.

Câu 6. Một trong những nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh là

A. trừ sớm, kịp thời, nhanh chóng và triệt để.

B. ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học.

C. phun thuốc với nồng độ cao hơn hướng dẫn sử dụng.

D. phun thuốc với nồng độ thấp hơn hướng dẫn sử dụng.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là một trong những yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

A. Thu hoạch đúng thời điểm.

B. Thu hoạch càng muộn càng tốt.

C. Thu hoạch càng sớm càng tốt.

D. Thu hoạch khi có nhu cầu sử dụng.

Câu 8: Tiêu chuẩn chọn cành giâm là

A. cành non, khỏe mạnh; không bị sâu, bệnh.

B. cành già, khỏe mạnh; không bị sâu, bệnh.

C. cành bánh tẻ, khỏe mạnh; không bị sâu, bệnh.

D. cành non hoặc bánh tẻ, khỏe mạnh; không bị sâu, bệnh.

Câu 9: Trong quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành, thứ tự đúng của các bước là

A. Chọn cành giâm → Cắt cành giâm → Xử lý cành giâm → Cắm cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

B. Cắt cành giâm → Chọn cành giâm → Xử lý cành giâm → Cắm cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

C. Chọn cành giâm → Xử lý cành giâm → Cắt cành giâm → Cắm cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

D. Cắt cành giâm → Chọn cành giâm → Cắm cành giâm → Xử lý cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

Câu 10. Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp cây nhanh lớn.

B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.

C. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

D. Bảo vệ môi trường.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những vai trò của rừng?

A. Điều hòa không khí.

B. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

C. Là nơi sống của động, thực vật rừng.

D. Cung cấp gỗ cho con người.

Câu 12. Theo mục đích sử dụng, người ta có mấy loại rừng?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 13. Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

- A. Rừng phòng hộ. B. Rừng sản xuất.
C. Rừng đặc dụng. D. Rừng đầu nguồn.

Câu 14. Quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu gồm mấy bước?

- A. 7. B. 6. C. 5. D. 4.

Câu 15. Trong quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần **không** có bước nào sau đây?

- A. Rạch bỏ vỏ bầu. B. Đặt cây vào hố.
C. Đào hố trồng cây. D. Lấp đất kín gốc cây.

Câu 16. Một trong các công việc chăm sóc rừng là

- A. Khai thác gỗ càng nhiều càng tốt. B. Đốt nương làm rẫy.
C. Chăn thả gia súc. D. Bón phân cho cây.

Câu 17: Thời vụ trồng rừng chính ở các tỉnh miền Bắc nước ta là

- A. mùa xuân và mùa hè. B. mùa xuân và mùa thu.
C. mùa hè và mùa thu. D. mùa thu và mùa đông.

Câu 18. Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây?

- A. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.
B. Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.
C. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây rừng.
D. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

Câu 19. Để bảo vệ rừng, chúng ta **không** nên làm việc nào sau đây?

- A. Bảo vệ rừng đầu nguồn. B. Khai thác gỗ càng nhiều càng tốt.
C. Tích cực trồng rừng. D. Chăm sóc rừng thường xuyên.

Câu 20: Đâu không phải vai trò của rừng?

- A. Cung cấp gỗ cho con người. B. Hấp thu khí Cacbonic, giải phóng khí Oxy.
C. Tán rừng và cây cỏ ngăn cản nước rơi và dòng chảy. D. Cung cấp lương thực cho con người.

Câu 21: Quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần gồm các bước theo thứ tự nào sau đây?

- A. Tạo lỗ trong hố đất → Đặt cây vào lỗ trong hố → Nén đất → Vun gốc → Lấp đất kín gốc cây.
B. Tạo lỗ trong hố đất → Đặt cây vào lỗ trong hố → Vun gốc → Nén đất → Lấp đất kín gốc cây.
C. Tạo lỗ trong hố đất → Đặt cây vào lỗ trong hố → Lấp đất kín gốc cây → Nén đất → Vun gốc.
D. Tạo lỗ trong hố đất → Đặt cây vào lỗ trong hố → Nén đất → Vun gốc → Lấp đất kín gốc cây.

Câu 22: Có thể sử dụng máy bay không người lái để trồng rừng bằng phương pháp nào sau đây?

- A. Trồng rừng bằng cây con có bầu.
B. Trồng rừng bằng cây con rễ trần.
C. Trồng rừng bằng gieo hạt.
D. Trồng rừng bằng cây con có bầu hoặc cây con rễ trần.

Câu 23: Để bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật nghiêm cấm những hành vi nào sau đây?

- A. Bảo vệ rừng đầu nguồn. B. Phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên.
C. Chặt phá rừng, khai thác rừng trái phép. D. Mở rộng diện tích rừng.

Câu 24. Quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch rau an toàn gồm mấy bước?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 25. Thứ tự các bước của quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch rau an toàn là

- A. Chuẩn bị đất trồng rau → gieo hạt hoặc trồng cây con → thu hoạch → chăm sóc.
B. Chuẩn bị đất trồng rau → gieo hạt hoặc trồng cây con → chăm sóc → thu hoạch.
C. Chuẩn bị đất trồng rau → chăm sóc → gieo hạt hoặc trồng cây con → thu hoạch.
D. Chuẩn bị đất trồng rau → thu hoạch → chăm sóc → gieo hạt hoặc trồng cây con.

II. Tự luận

Câu 1. Em hãy nêu vai trò của rừng phòng hộ?

Câu 2. Em hãy nêu đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao?

Câu 3. Em hãy trình bày kĩ thuật giâm cành một loại cây trồng phổ biến ở địa phương em.

Câu 4. Em hãy nêu quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu?

Câu 5. Em hãy đề xuất những việc nên và không nên làm để bảo vệ rừng và cây xanh ở trường em đang học.

I. Lý thuyết: Học sinh ôn các bài sau:

1. Tốc độ chuyển động
2. Đo tốc độ
3. Đồ thị quãng đường- thời gian
4. Ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông
5. Sóng âm
6. Độ cao, độ to của âm
7. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm: 28 câu, 30% tự luận: 3 câu)

III. BÀI TẬP THAM KHẢO

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một xe máy đi từ thành phố A đến thành phố B với tốc độ trung bình 60km/h mất 1h20 phút. Quãng đường từ thành phố A đến thành phố B là

- A. 60 km B. 80 km C. 72 km D. 4800 km

Câu 2: Dụng cụ nào dưới đây dùng để đo tốc độ của một vật?

- Nhiệt kế B. Lực kế C. Tốc kế D. Đồng hồ

Câu 3: Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường trên đoạn đường 1,5 km, trong thời gian 20 phút. Tốc độ của học sinh đó là

- A. 4,5 m/s B. 4,5 km/h C. 30 km/h D. 0,075 km/h

Câu 4: Đơn vị nào sau đây KHÔNG PHẢI là đơn vị của vận tốc?

- A. m/s B. kg/m³. C. km/h D. m/phút

Câu 5: Trường hợp nào dưới đây có âm thanh phát ra?

- A. Chiếc trống nằm im ở sân trường. B. Chiếc còi trọng tài nằm trên bàn.
C. Chiếc đàn ghi ta mà nghệ sĩ đang đánh. D. Chiếc âm thoa trên phòng thí nghiệm.

Câu 6: Trường hợp nào dưới đây nên sử dụng thước đo và đồng hồ bấm giờ để đo tốc độ của vật?

- A. Đo tốc độ của viên bi chuyển động trên bàn.
B. Đo tốc độ bơi của vận động viên.
C. Đo tốc độ rơi của vật trong phòng thí nghiệm.
D. Đo tốc độ bay hơi của nước.

Câu 7: Muốn đo được tốc độ của một vật đi trên một quãng đường nào đó, ta phải đo

- A. độ dài quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.**
B. độ dài quãng đường mà vật đó phải đi.
C. thời gian mà vật đó đi hết quãng đường.
D. quãng đường và hướng chuyển động của vật.

Câu 8: Đổi 108 km/h bằng

- A. 30 ms. B. 20 m/s C. 15m/s D. 10 m/s

Câu 9: Công thức tính tốc độ là

- A. $v = st$ B. $v = t/s$ **C. $v = s/t$** D. $v = s/t^2$

Câu 10: Tốc độ của vật là

- A. Quãng đường vật đi được trong 1s.** C. Quãng đường vật đi được.
B. Thời gian vật đi hết quãng đường 1m. D. Thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 11: Đổi 10 m/s bằng

- A. 10 km/h. **B. 36 km/h.** C. 45 km/h. D. 20 km/h.

Câu 12: Tốc độ của ô tô là 36km/h cho biết điều gì?

- A. Ô tô chuyển động được 36km B. Ô tô chuyển động trong 1 giờ

C. Trong 1 giờ ô tô đi được 36km.

D. Ô tô đi 1km trong 36 giờ

Câu 13: Tốc độ là đại lượng cho biết

A. Mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

B. Quỹ đạo chuyển động của vật.

C. Hướng chuyển động của vật.

D. Nguyên nhân vật chuyển động

Câu 14: Đồ thị quãng đường – thời gian mô tả

A. mối liên hệ giữa quãng đường đi được của vật và thời gian.

B. mối liên hệ giữa vận tốc của vật trên quãng đường và thời gian.

C. mối liên hệ giữa hướng chuyển động của vật và thời gian.

D. mối liên hệ giữa vận tốc của vật và hướng chuyển động của vật.

Câu 15: Đồ thị quãng đường - thời gian của chuyển động có tốc độ không đổi có dạng là đường gì?

A. Đường thẳng.

C. Đường tròn.

B. Đường cong.

D. Đường gấp khúc.

Câu 16: Dụng cụ để xác định sự nhanh chậm của chuyển động của một vật gọi là

A. Vôn kế

B. Nhiệt kế

C. Tốc kế

D. Ampe kế

Câu 17: Trong đồ thị quãng đường – thời gian của vật chuyển động thẳng, khi vật nghỉ thì đồ thị có dạng

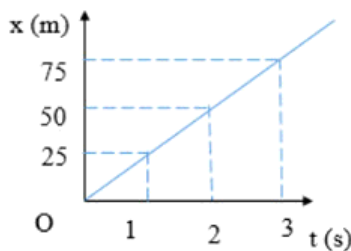
A. đường thẳng song song với trục thời gian.

B. đường thẳng nằm nghiêng góc với trục thời gian.

C. đường cong.

D. đường gấp khúc.

Câu 18: Dựa vào đồ thị chuyển động của vật như trên hình vẽ, em hãy cho biết: sau 3 s kể từ khi xuất phát thì vật cách điểm xuất phát bao nhiêu m?



A. 25 m

B. 50 m

C. 75 m

D. 100 m

Câu 19: Thiết bị bắn tốc độ sử dụng trong giao thông gồm

A. Camera và máy tính.

C. Đồng hồ và máy tính.

B. Thước và máy tính.

D. Camera và đồng hồ.

Câu 20: Một chiếc ô tô và một chiếc xe máy được phát hiện bởi thiết bị bắn tốc độ, chạy từ vạch mốc 1 và vạch mốc 2 cách nhau 5 m thời gian ô tô chạy giữa hai vạch mốc là 0,2s và thời gian xe máy chạy giữa hai vạch mốc là 0,3s. Nếu tốc độ giới hạn là 24 m/s thì nhận xét nào dưới đây là đúng?

A. Ô tô và xe máy đều vượt quá tốc độ cho phép.

B. Ô tô và xe máy đều không vượt quá tốc độ cho phép.

C. Ô tô vượt quá tốc độ cho phép, xe máy không vượt quá tốc độ cho phép.

D. Ô tô không vượt quá tốc độ cho phép, xe máy vượt quá tốc độ cho phép.

Câu 21: Theo em nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông đường bộ?

A. Do vi phạm quy định về tốc độ giới hạn

C. Vượt đèn đỏ, đi sai làn đường

B. Chở hàng quá trọng tải của phương tiện

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 22: Camera của thiết bị bắn tốc độ ghi và tính được thời gian ô tô chạy từ vạch mốc 1 sang vạch mốc 2 cách nhau 5 m là 0,25 s. Tốc độ của ô tô là

A. 20 m/s.

B. 0,05 m/s.

C. 20 km/h.

D. 0,05 km/h.

Câu 23: Thiết bị bắn tốc độ dùng để

- A. Đo thời gian chuyển động của phương tiện giao thông.
- B. Kiểm tra hành trình di chuyển của phương tiện giao thông.
- C. Đo quãng đường chuyển động của phương tiện giao thông.
- D. Kiểm tra tốc độ của phương tiện giao thông trên đường bộ.**

Câu 24: Dùng quy tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 68 km/h.

- A. 56,67m.
- B. 68m
- C. 46,67m
- D. 32m

Câu 25: Sóng âm là

- A. chuyển động của các vật phát ra âm thanh.
- B. các vật dao động phát ra âm thanh.
- C. các dao động từ nguồn âm lan truyền trong môi trường.**
- D. sự chuyển động của âm thanh.

Câu 26: Vật phát ra âm trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Kéo căng vật.
- B. Uốn cong vật.
- C. Nén vật.
- D. Làm vật dao động.**

Câu 27: Âm thanh không truyền được trong chân không vì chân không

- A. không có trọng lượng.
- B. không có vật chất.
- C. môi trường trong suốt.
- D. không đặt được nguồn âm.

Câu 28: Tốc độ âm là lớn nhất khi truyền trong môi trường nào?

- A. Không khí loãng
- B. Không khí
- C. Nước nguyên chất
- D. Chất rắn

Câu 29: Khi bác bảo vệ gõ trống, tai ta nghe thấy tiếng trống. Vật nào đã phát ra âm đó?

- A. Tay bác bảo vệ gõ trống.
- B. Dùi trống.
- C. Mặt trống.**
- D. Không khí xung quanh trống.

Câu 30: Công thức nào dưới đây dùng để tính quãng đường đi được?

- A. $s = v:t$
- B. $s = v.t$
- C. $s = v+t$
- D. $s = t:v$

Câu 31. Khoảng cách nào sau đây là khoảng cách an toàn theo Bảng 11.1 đối với xe ô tô chạy với tốc độ 25 m/s?

Bảng 11.1

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
$v = 60$	35
$60 < v \leq 80$	55
$80 < v \leq 100$	70
$100 < v \leq 120$	100

- A. 70m.
- B. 35m.
- C. 55m.
- D. 100m.

Câu 32. Thông thường, tai người có thể nghe được âm có tần số trong khoảng từ

- A. 20Hz đến 20000Hz.
- B. lớn hơn 20000Hz.
- C. dưới 20Hz.
- D. 200Hz đến 20000Hz.

Câu 33. Vật A chuyển động trên quãng đường 5m hết 0,25s; vật B chuyển động trên quãng đường 6m hết 0,3s. Hỏi vật nào chuyển động nhanh hơn?

- A. Vật B.
- B. Không so sánh được.
- C. Vật A.
- D. Hai vật chuyển động nhanh như nhau.

Câu 34. Âm phản xạ là

- A. âm bị vật chắn hấp thụ.
- B. âm dội lại khi gặp vật chắn.
- C. âm truyền đi qua vật chắn.
- D. âm đi vòng qua vật chắn.

Câu 35. Độ lệch lớn nhất của vật dao động so với vị trí cân bằng của nó được gọi là

- A. biên độ dao động.
- B. tốc độ dao động.
- C. tần số dao động.
- D. chu kỳ dao động.

Câu 36. Vật nào sau đây phản xạ âm kém?

- A. Mặt đá hoa.
- B. Áo len.
- C. Mặt gương.
- D. Tường gạch.

Câu 37. Vật nào dưới đây phản xạ âm tốt?

- A. Ghế đệm mút. B. Rèm nhung C. Tấm kim loại D. Áo dạ

Câu 38. Ta có thể nghe thấy tiếng vang khi

- A. âm phản xạ đến tai ta trước âm phát ra.
B. âm trực tiếp đến sau âm phản xạ thời gian ngắn nhất 1/15 giây.
C. âm phản xạ đến sau âm trực tiếp thời gian ngắn nhất 1/15 giây.
D. âm phát ra và âm phản xạ đến tay ta cùng một lúc.

Câu 39. Trường hợp nào sau đây KHÔNG là ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Tiếng trống trường.
C. Tiếng hát karaoke to giữa đêm khuya.
B. Tiếng ồn từ khu chợ.
D. Tiếng máy khoan bê tông to và kéo dài.

Câu 40. Biện pháp nào dưới đây KHÔNG có tác dụng chống ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Hát karaoke vào buổi tối.
B. Sử dụng hệ thống cửa bằng cửa kính và đóng lại khi cần.
C. Xây tường chắn để ngăn cách âm.
D. Che cửa bằng các màn vải.

B. TỰ LUẬN

Câu 1: Bạn A chạy 120 m hết 35s. Bạn B chạy 140 m hết 40s. Ai chạy nhanh hơn?

Câu 2: Một bạn đi từ nhà đến trường với tốc độ không đổi, xuất phát từ nhà là lúc 6 h 30 phút, đến trường lúc 7 h. Biết quãng đường từ nhà bạn đó đến trường là 3 km. Tính tốc độ của bạn đó ra km/h và m/s.

Câu 3: Cho bảng ghi kết quả quãng đường và thời gian sau. Hãy vẽ đồ thị biểu diễn quãng đường, thời gian và nhận xét.

Thời gian (h)	0	1	2	3	4	5	6
Quãng đường (km)	0	10	20	30	30	50	70

Câu 4: Các nhà khoa học cho biết, phần lớn các loại côn trùng không có các cơ quan đặc biệt để phát ra loại âm, nhưng khi bay, một số loài côn trùng như ruồi, muỗi, ong ... tạo ra những tiếng vo ve. Hãy giải thích tại sao?

Câu 5: Trong 50 giây, một lá thép thực hiện được 10 000 dao động. Hỏi dao động của lá thép có phát ra âm thanh hay không? Tai con người có thể cảm nhận được âm thanh do lá thép đó phát ra không? Tại sao?

Câu 6: Giả sử nhà em ở ven quốc lộ và trong một thị trấn đông đúc. Hãy đề xuất một số biện pháp phòng chống tiếng ồn có thể thực hiện được cho nhà em.

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet

Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số

Bài 5: Ứng xử trên mạng

Chủ đề 4: Ứng dụng của tin học

Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính

Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính

Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. TỰ LUẬN

Câu 1: Đâu không phải là một mạng xã hội?

A. Zalo

B. Twitter

C. AVG

D. Instagram

Câu 2: Hãy chọn câu đúng trong các câu sau

A. Bất cứ độ tuổi nào cũng có thể tham gia mạng xã hội.

B. Trên mạng xã hội có cả điều đúng và sai, cảnh giác khi giao tiếp qua mạng.

C. Tất cả các website đều là mạng xã hội.

D. Tất cả thông tin trên mạng xã hội đều chính xác.

Câu 3 Phương án nào sau đây không an toàn khi tham gia mạng xã hội?

A. Giữ an toàn thông tin cá nhân và gia đình.

B. Không được một mình gặp gỡ người mà em chỉ mới quen qua mạng.

C. Im lặng, không chia sẻ với gia đình khi bị đe dọa, bắt nạt qua mạng.

D. Không chấp nhận các lời mời vào các nhóm trên mạng mà em không biết.

Câu 4 Em hãy chỉ ra phương án không phải là lợi ích của mạng xã hội

A. Giải trí.

B. Tiếp nhận thông tin một cách nhanh chóng.

C. Dễ dàng tiếp cận thông tin nguy hiểm, hình ảnh bạo lực.

D. Kết nối với mọi người mà không cần gặp mặt.

Câu 5 Mật khẩu mạnh là mật khẩu chứa:

A. Chữ cái hoặc chữ số

B. Chỉ chứa chữ cái

C. Chữ cái hoặc chữ số hoặc kí tự đặc biệt

D. Chữ cái, chữ số và kí tự đặc biệt

Câu 6: Chọn phương án sai

A. Thông tin trên mạng là thông tin được chia sẻ cho tất cả mọi người nên em có thể sử dụng tùy ý

B. Thông tin trên mạng có cả thông tin tốt và thông tin xấu, không nên sử dụng và chia sẻ tùy tiện

C. Sử dụng và chia sẻ thông tin vào mục đích sai trái có thể phải chịu trách nhiệm trước pháp luật

D. Đăng và chia sẻ thông tin giả, thông tin cá nhân của người khác, thông tin đe dọa, bắt nạt, lừa đảo, ...

Câu 7: Để trở thành người giao tiếp và ứng xử có văn hóa trên mạng em không nên làm gì?

A. Tuân thủ các quy tắc ứng xử trong cuộc sống thực

B. Chú ý đến ngữ pháp, dấu câu, chính tả, cách trình bày vấn đề

- C. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác
- D. Chia sẻ tất cả mọi thông tin cá nhân của bạn bè mình cho tất cả mọi người

Câu 8: Hãy chọn phương án đúng: Để tham gia mạng an toàn em nên thực hiện những điều gì?

- A. Không cung cấp thông tin cá nhân
- B. Không tin tưởng tuyệt đối người tham gia trò chuyện
- C. Sử dụng tài khoản trung lập, không quá đặc biệt
- D. Giao tiếp ngắn gọn, rõ ràng

Câu 9: Thông tin có nội dung xấu là gì?

- A. Thông tin khuyến khích sử dụng chất gây nghiện
- B. Thông tin về các tác phẩm, tác giả văn học
- C. Thông tin về ẩm thực Việt Nam
- D. Thông tin quảng bá những di tích lịch sử

Câu 10: Chọn phương án đúng nhất cho câu hỏi: Thành phần bảng tính có chức năng chính là gì?

- A. Quản trị dữ liệu
- B. Soạn thảo văn bản và quản trị dữ liệu
- C. Nhập và xử lý dữ liệu dạng bảng
- D. Tính toán các phép tính đơn giản

Câu 11: Vùng dữ liệu trên bảng tính có hình gì?

- A. Hình tròn
- B. Hình tam giác
- C. Hình chữ nhật
- D. Hình thoi

Câu 12: Vị trí giao của một hàng và một cột được gọi là gì?

- A. Ô
- B. Trang tính
- C. Hộp địa chỉ
- D. Thanh công thức

Câu 13: Phát biểu nào dưới đây đúng?

- A. Các hàng của trang tính được đặt tên theo các chữ cái: A, B, C, ...
- B. Các hàng của trang tính được đặt tên theo các số: 1,2,3, ...
- C. Các cột của trang tính được đặt tên theo các số: 1,2,3, ...
- D. Các hàng và cột trong trang tính không có tên.

Câu 14: Đầu là một vùng dữ liệu?

- A. B10 + C15
- B. B10 : C15
- C. B10 - C15
- D. B10 / C15

Câu 15: Khi nhập số vào ô tính thì dữ liệu được tự động

- A. Căn trái
- B. Căn giữa
- C. Căn phải
- D. Căn đều hai bên

Câu 16: Khi nhập văn bản vào ô tính thì dữ liệu được tự động

- A. Căn trái
- B. Căn giữa
- C. Căn phải
- D. Căn đều hai bên

Câu 17: Công thức được nhập vào ô tính với mục đích gì?

- A. Căn chỉnh hàng cho đẹp
- B. Để thuận tiện khi nhập dữ liệu
- C. Để tính toán
- D. Để dễ dàng in ấn và lưu trữ

Câu 18: Khi gõ công thức vào một ô, kí tự đầu tiên phải là

- A. ô đầu tiên tham chiếu tới
- B. dấu ngoặc đơn
- C. dấu nháy
- D. dấu bằng

Câu 19: Giả sử cần tính tổng giá trị của các ô B2 và E4, sau đó nhân với giá trị trong ô C2. Công thức nào trong số các công thức sau đây là đúng?

- A. =(E4+B2)*C2
- B. (E4+B2)*C2
- C. =C2(E4+B2)
- D. (E4+B2)C2

Câu 20: Sắp xếp theo đúng thứ tự các bước nhập công thức vào ô tính

- 1. Nhấn Enter
- 2. Nhập công thức
- 3. Gõ dấu =
- 4. Chọn ô tính
- A. 4; 3; 2; 1
- B. 1; 3; 2; 4

C. 2; 4; 1; 3

D. 3; 4; 2; 1

Câu 21: Để tính tổng ta dùng hàm gì?

A. Average

B. Count

C. Sum

D. Add

Câu 22: Cho C3=12; C5=10. Ô E11 có công thức = Sum(C3,C5) thì hiển thị kết quả là

A. 2

B. 22

C. 21

D. 28

Câu 23: Để tính tổng các ô từ C3 đến C7, phương án nào sau đây đúng?

A. =SUM(C3-C7)

C. = COUNT(C3:C7)

B. =SUM(C3:C7)

D. = COUNT(C3-C7)

Câu 24: Cho C3=12; C4=15; C5=10; C6=8; C7=20; Công thức =AVERAGE(C3:C7) cho kết quả là

A. 10

B. 65

C. 12

D. 13

Câu 25: Cho C3=12; C4=15; C5=10; C6=8; C7=20; Công thức =SUM(C3,C5,C7) cho kết quả là

A. 42

B. 14

C. 20

D. 30

Câu 26: Nếu khối ô A1:A5 lần lượt chứa các số 10, 7, 9, 27, 2 và công thức hàm là: =Max(A1:A5) kết quả phép tính nào sau đây đúng?

A. 2

B. 27

C. 11

D. 55

Câu 27: Kết quả của hàm =Average(3,8,10) là

A. 21

B. 7

C. 10

D. 3

Câu 28: Để tính giá trị trung bình của ô A1, B1, C1 các cách tính nào sau đây là đúng

A. =Arage (A1,B1,C1)

C. =Average (A1;B1;C1)

B. =Average(A1,B1,C1)

D. =Aevareg(A1,B1,C1)

Câu 29: Hàm AVERAGE là hàm dùng để

A. tính tổng

C. tính trung bình cộng

B. tìm số nhỏ nhất

D. tìm số lớn nhất

Câu 30: Thông thường trong Excel, dấu được dùng để phân cách phần nguyên và phần thập phân là dấu

A. chấm

B. phẩy

C. nháy đơn

D. nháy kép

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao nói mạng xã hội có tính hai mặt?

Câu 2: Để sử dụng mạng xã hội an toàn em cần làm gì?

Câu 3: Tác hại và các phòng tránh bệnh nghiện Internet

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	DỰ KIẾN PHÂN BỐ CÂY CHO CÁC LỚP						
2	STT	Tên cây	7A1	7A2	7A3	TỔNG	TB
3	1	Hoa hồng	10	20	20		
4	2	Hoa cúc	15	30	10		
5	3	Hoa mười giờ	20	10	30		

Viết công thức tính:

- Tổng các cây hoa hồng của các lớp

- Tính trung bình số cây hoa cúc và hoa mười giờ của 3 lớp.

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN GD&ĐT LỚP 7

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự hào về truyền thống quê hương.
2. Quan tâm cảm thông và chia sẻ.
3. Học tập tự giác, tích cực.
4. Giữ chữ tín.
5. Bảo tồn di sản văn hóa.
6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng.

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: a/ Dựa vào kiến thức đã học thế nào chữ tín, giữ chữ tín là gì? Biểu hiện của người biết giữ chữ tín?

b/ Giữ chữ tín giúp chúng ta điều gì? Liên hệ bản thân những việc làm biết giữ chữ tín?

Câu 2: Thế nào là di sản văn hóa? Có mấy loại di sản văn hóa? Chúng ta cần làm gì để bảo tồn di sản văn hóa? Lấy 1 ví dụ về di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể?

Câu 3: Học tập tích cực, tự giác là gì? Em đã làm gì để rèn luyện tính tích cực, tự giác trong học tập? Lấy ví dụ về bản thân đã biết học tập tích cực, tự giác?

Câu 4: Kể tên những truyền thống quê hương mà em biết? Tự hào về truyền thống quê hương là gì? Lấy ví dụ liên hệ bản thân đã biết tự hào về truyền thống quê hương?

Câu 5: a/ Căng thẳng tâm lí là gì? Biểu hiện của căng thẳng tâm lí?

b/ Nguyên nhân nào gây ra căng thẳng tâm lí? Liên hệ bản thân em đã gặp phải căng thẳng tâm lí gì trong cuộc sống?

Câu 6: Thế nào là quan tâm cảm thông và chia sẻ? Chúng ta cần làm gì để thể hiện sự quan tâm cảm thông và chia sẻ?

Câu bài tập tình huống

Tình huống 1: Liên được cô giáo giao nhiệm vụ kèm My môn Toán để bạn có kết quả tốt hơn. Chiều nay được nghỉ Liên bảo My qua nhà làm một số bài tập để ôn luyện cho kì kiểm tra sắp tới. My hứa với Liên chiều sẽ qua, nhưng đến chiều My ngủ quên và khi tỉnh dậy đã muộn, My nghĩ “ Muộn thế này chắc Liên không đợi đâu, thôi hôm khác học cũng được”.

a. Em có đồng tình với suy nghĩ của bạn My không? Vì sao?

b. Nếu em là Liên em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Trong buổi đào móng làm nhà, ông Tân có đào được chiếc bình cổ từ thời xa xưa rất có giá trị. Ông Tân rất vui mừng và nói rằng: “ Đồ vật nằm trong đất nhà ông là tài sản của gia đình ông, nên ông toàn quyền sử dụng”.

a. Em có đồng tình với ý kiến của ông Tân không? Vì sao?

b. Nếu là em chứng kiến trường hợp đó, em sẽ làm gì?

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

- **Bài 3:** Phong trào văn hóa Phục hưng và cải cách tôn giáo.
- **Bài 4:** Trung quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.
- **Bài 5:** Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

B. PHẦN ĐỊA LÝ

* Châu Âu:

- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu.
- Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu.

* Châu Á:

- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Á.
- Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.
- Bản đồ chính trị, các khu vực địa hình châu Á.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Trắc nghiệm: 50%
- Tự luận: 50%

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1: Trình bày những nội dung chính của phong trào Cải cách tôn giáo và tác động của phong trào Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu?

Câu 2: Trình bày những biểu hiện chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường?

Câu 3: Trình bày những biểu hiện nổi bật về sự phát triển kinh tế thời Minh- Thanh?

Câu 4: Liên hệ với lịch sử Việt Nam, em hãy cho biết : Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, triều đại phong kiến Trung Quốc nào đã xâm lược nước ta?

Câu 5: Nêu một số thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc (Sử học, Văn học, Kiến trúc, điêu khắc) từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX? Kể tên một số thành tựu (về văn học) có ảnh hưởng đến văn học các nước khác?

B. PHẦN ĐỊA LÝ

Câu 1: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

Câu 2: Phân tích ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên của châu Á.

Câu 3: Hãy trình bày đặc điểm địa hình và khí hậu khu vực Đông Nam Á.

Câu 4: Việt Nam mang đặc điểm khí hậu gì? Khí hậu đó có ảnh hưởng như thế nào đến sinh hoạt của người dân ở địa phương em?

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Ước mơ mùa khai trường*
- Bài hát: *Đi cấy*
- Bài hát *Bài học đầu tiên*
- Bài hát: *Điều em muốn*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 1.
- Bài đọc nhạc số 2.
- Bài đọc nhạc số 3.
- Bài đọc nhạc số 4.

I. Nội dung bài học

- Logo dạng chữ.
- Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh trang trí

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Cách tạo Logo?
- Các bước vẽ và trang trí bìa sách?

2. Thực hành

- Logo dạng chữ.
 - + Hình thức: vẽ tranh
 - + Bố cục: hợp lí
 - + Màu sắc: chọn màu sắc phù hợp
 - + Có tính thẩm mỹ
- Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam
 - + Hình thức: thực hành vẽ
 - + Bố cục: hợp lí
 - + Hình vẽ: vẽ đẹp, có trang trí
 - + Màu sắc: tươi sáng
 - + Có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành trên khổ giấy A4

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 7

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li trung bình

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình và hoàn thành cự li (Nữ: 300m; Nam: 500m)

BAN GIÁM HIỆU

Lê Thị Ngọc Anh